

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày	13,400 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.2%	-4.3%	11.5%

Hệ số nguy cơ phá sản	1.52
Z - score (sản xuất)	(Ba3)
2024	Nguy hiểm

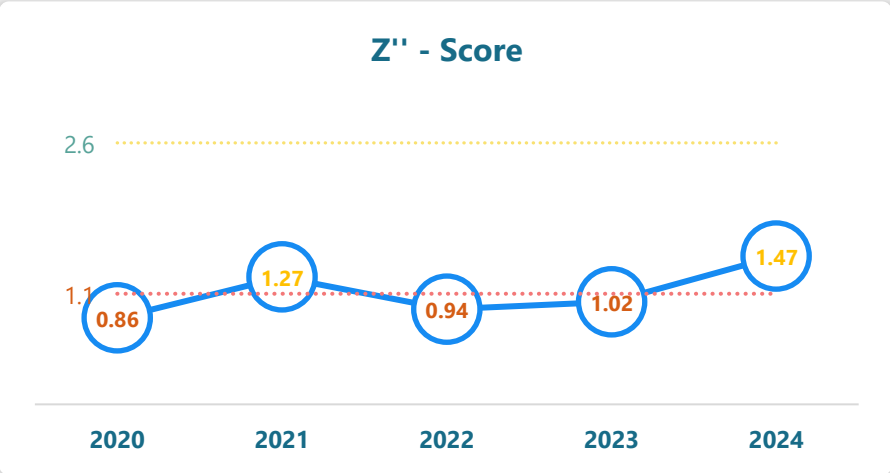
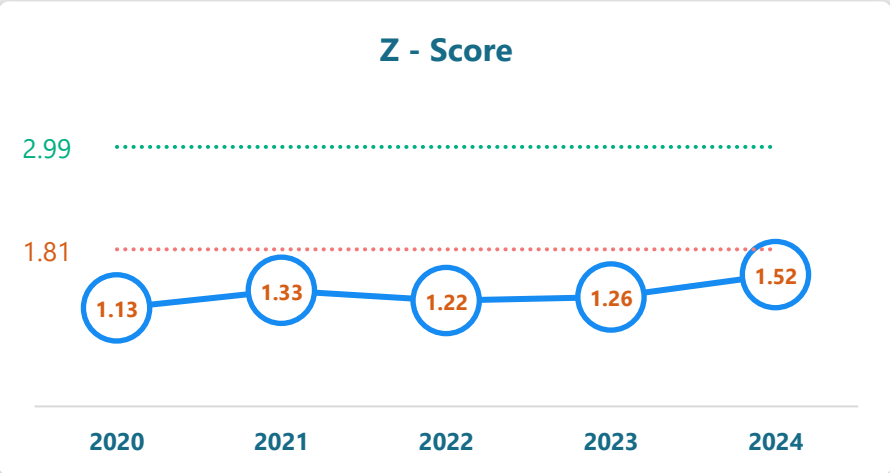
Hệ số nguy cơ phá sản	1.47
Z'' - score (phi sản xuất)	(Ba3)
2024	Cảnh báo

DT thuần	2024	YoY
	569	▲ 26.0
	tỷ VNĐ	▲ 4.8%

LN sau thuế	2024	YoY
	46.0	▲ 1.40
	tỷ VNĐ	▲ 3.3%

ROE	2024	+/- YoY
	10.3%	▲ 0.1%

ROA	2024	+/- YoY
	4.9%	▲ 0.3%



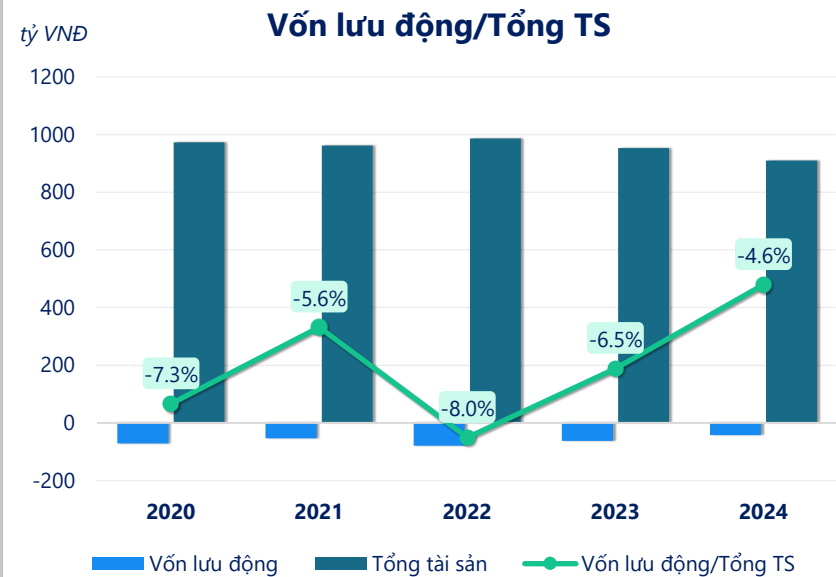
Xét với doanh nghiệp sản xuất: Với **Z-Score** là **1.52 < 1.81**, cho thấy **HDW** nằm trong vùng nguy hiểm, có nguy cơ phá sản cao và không ổn định về tình hình tài chính.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: **Z''-Score** của **HDW** năm **2024** đạt **1.47**, cao hơn so với năm 2023 (1.02). **Z''-Score** nằm trong khoảng từ 1.1 đến 2.6, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng cảnh báo, có thể có nguy cơ phá sản.

Năm **2024**, **HDW** ghi nhận doanh thu thuần **569.4** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **46.04** tỷ đồng, lần lượt **tăng 4.82%** và **tăng 3.31%** so với năm trước.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **10.3%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

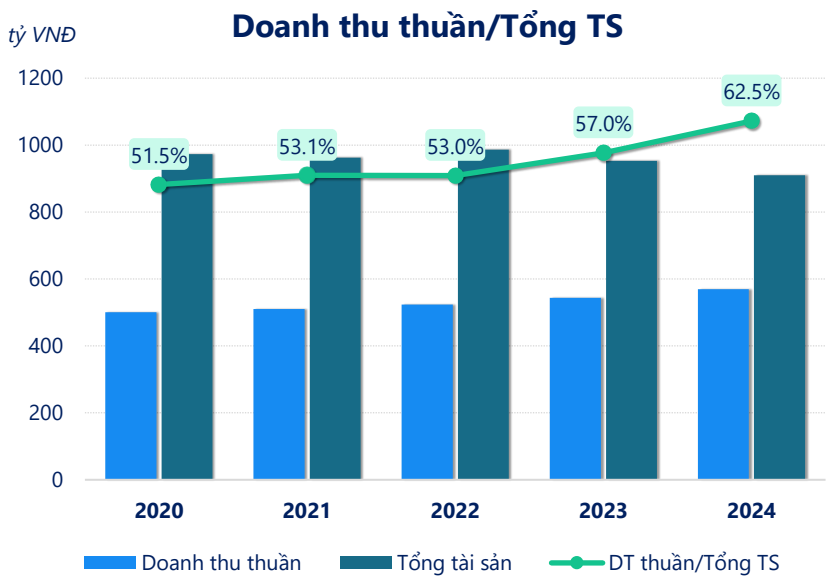
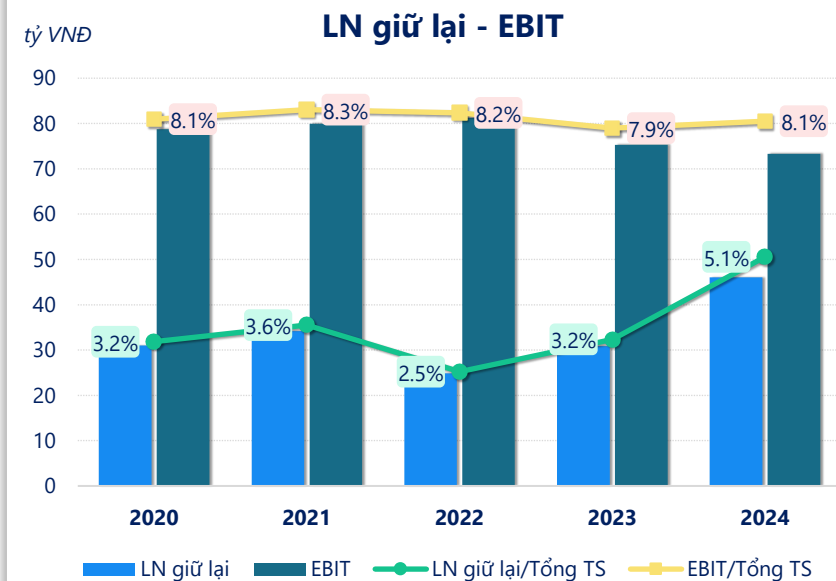
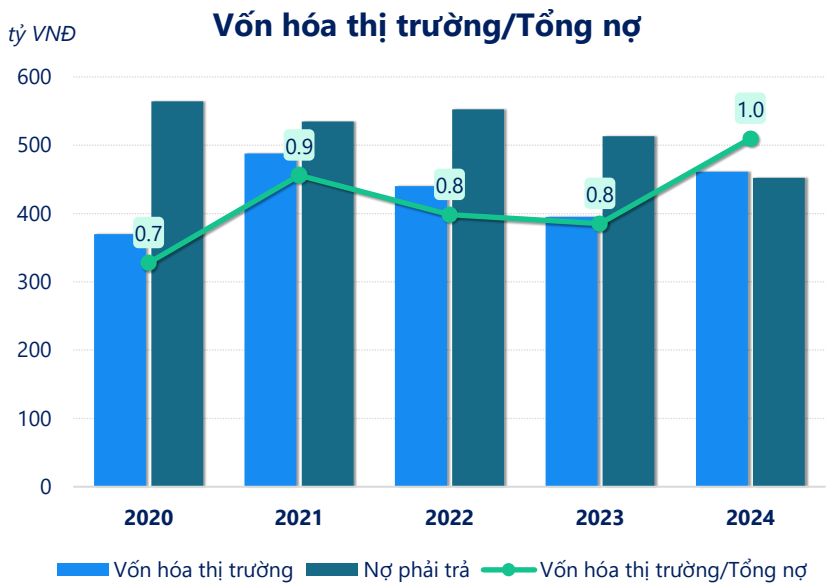
CTCP Kinh doanh nước sạch Hải Dương (UPCOM: HDW)



Mặc dù vẫn gặp tình trạng thiếu thanh khoản khi **vốn lưu động < 0**, nhưng đã tăng so với năm trước. Cho thấy công ty đang cải thiện tình hình tài chính sau giai đoạn khó khăn. Công ty cần có sự quản lý tài chính hiệu quả, tái cấu trúc và tăng cường vốn lưu động.

Vốn hóa thị trường/ tổng nợ = 1.02, cho thấy công ty có khả năng tạo ra giá trị cho cổ đông vượt qua nợ phải trả. Sự tăng tương tỷ lệ này cũng phản ánh sự tin tưởng của thị trường và nhà đầu tư vào triển vọng tương lai của công ty.

Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	911	953	-4.5%
Tài sản ngắn hạn	68.7	70.2	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	10.2	12.2	-16.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	20.6	19.5	5.8%
Hàng tồn kho	36.0	37.5	-4.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.99	1.08	84.1%
Tài sản dài hạn	842	883	-4.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	795	833	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.6	3.84	203%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	35.3	45.9	-23.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	452	513	-11.9%
Nợ ngắn hạn	104	132	-21.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8.86	24.9	-64.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	56.1	70.1	-20.0%
Nợ dài hạn	349	381	-8.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	229	254	-10.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	458	440	4.2%
Vốn chủ sở hữu	458	440	4.2%
Vốn điều lệ	319	319	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	501	511	523	543	569
Giá vốn hàng bán	338	360	364	380	409
Lợi nhuận gộp	162	151	159	163	160
Doanh thu HĐTC	0.02	8.21	3.80	0.03	2.75
Chi phí TC	24.3	14.7	14.6	21.7	15.0
Chi phí lãi vay	13.7	14.7	14.6	18.1	15.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	20.1	21.0	20.8	21.8	22.8
Chi phí QLDN	53.1	58.1	62.5	60.9	66.8
LN thuần từ HĐKD	64.9	65.2	65.1	58.5	58.4
Lợi nhuận khác	0.22	0.04	1.53	-1.35	-0.07
LN trước thuế	65.1	65.2	66.6	57.2	58.3
Lợi nhuận sau thuế	51.9	51.9	52.9	44.6	46.0
LNST của CĐ cty mẹ	51.9	51.9	52.9	44.6	46.0

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	120	127	113	113	138
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-98.3	-89.8	-85.3	-60.9	-75.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-29.8	-38.5	-24.9	-43.5	-64.0
Tiền đầu kỳ	10.1	2.42	1.29	3.60	12.2
Lưu chuyển tiền thuần	-7.63	-1.12	2.30	8.59	-1.99
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.42	1.29	3.60	12.2	10.2